0TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 314/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Nguyễn Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà; Bà Cao Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 17/5/2023, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/QĐ-NPT ngày 16/6/2023 và thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Ông Đ -sinh năm 1974; HKTT:Thôn K, xã V, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội**;** Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ; Luật sư LNS- Công ty luật LAVI. Có mặt.

***Bị đơn**: Bà T - sinh năm 1978;HKTT: Thôn K, xã V, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội**;** Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư VĐT- công ty luật Thành Phương- Đ2 luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**;

-Ông H, sinh năm 1973; bà M, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội.Đại diện theo ủy quyền của bà Minh là ông H. Có mặt.

-Bà L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, bà Minh, bà L: Luật sư LNS, luật sư PNH-Công ty luật LAVI. Có mặt.

-Anh Đ1, sinh năm 1996. Vắng mặt

-Anh Đ2, sinh năm 2003.Vắng mặt

-Chị L2, sinh năm 1993 – Có mặt.

HKTT:Thôn K, xã V, huyện Hoài Đức, tp Hà Nội**;**

-Chị L3, sinh năm 1997; Địa chỉ; Số 9, ngõ 223, phường P, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Vắng mặt.

-UBND huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật ông T- Chủ tịch; Đại diện theo ủy quyền; bà N- Trưởng phòng Tài Nguyên Môi Trường huyện Hoài Đức. Vắng mặt.

-Văn phòng công chứng Tây Đô; Địa chỉ; Thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

-Văn phòng công chứng Bình Minh; Địa chỉ; Khu 6,Thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

-Ông XN, sinh năm 1953; Địa chỉ; Tổ 9, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đ trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 1994 tại thời điểm này chị T mới 16 tuổi 6 tháng, anh 21 tuổi, theo qui định chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng UBND xã V vẫn làm thủ tục đăng ký kết hôn, thực tế có việc anh và chị T có cưới xin, khi đăng ký kết hôn anh không nhận được đăng ký kết hôn, cuối năm 1995 anh mới nhận được giấy chứng nhận đăng ký kết hônn anh không xem và cất luôn, đến năm 2013 có việc vay vốn ngân hàng, nên ngân hàng xem xét lại thấy không đúng ngày tháng năm sinh của chị T nên anh và chị T đến UBND xã V, huyện Hoài Đức đăng ký lại, UBND xã V thu hồi giấy chứng nhận kết hôn cũ, hiện tại anh không lưu giữ bản nào, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh đi làm về muộn chị T ghen nên vào khoảng năm 2018-2019 chị T bỏ vào Sài Gòn khi cháu thứ 3 được 2 tuổi, chị T đi 1 tháng thì về, khi chị T về vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, sau đó chị T bỏ đi thêm 2 lần nữa, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, nay anh thấy tình cảm không còn xin được ly hôn.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 3 con chung gồm: Đ1, sinh ngày 19/01/1996, Đ2, sinh ngày 05/5/2003; HN, sinh ngày 22/01/2016, hiện nay anh Đ1 đã xây dựng gia đình và ở riêng, còn cháu Đ2 đã đến tuổi trưởng thành cháu ở với ai là tùy, anh không định Đ1, cháu HN hiện đang ở với chị T. Nay ly hôn anh xin được nuôi cháu HN, nếu được nuôi anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh, còn chị T nuôi anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh sẽ đóng tiền học cho cháu chứ anh không đóng trực tiếp cho chị T.Vợ chồng không có con riêng hay con nuôi nào khác.

-Về tài sản:

+Năm 2016 vợ chồng mua được 1 chiếc ô tô, mua trả góp số tiền 720.000.000đ, khi mua xe đồng thời anh và chị T làm thủ tục vay ngân hàng VIB số tiền 420.000.000đ, số tiền 300.000.000đ là tiền bán đất nông nghiệp tiêu chuẩn của anh, gốc và lãi trả ngân hàng hàng tháng, hiện tại đã trả hết nợ ngân hàng VIB, nay ly hôn anh xin hưởng chiếc xe ô tô và thanh toán cho chị T bằng tiền sau khi trừ đi tiền trả cho ngân hàng chiếc xe còn lại giá trị là 220.000.000đ, anh xin hưởng chiếc xe ô tô và có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 110.000.000đ, anh đã thanh toán cho chị T xong số tiền 110.000.000đ. Đề nghị HĐXX công nhận chiếc ô tô này là của ông.

+Đối với chiếc xe máy BKS 30-Y91383, đăng ký mang tên Đ, mua năm 2009 hiện tại chị T đang sử dụng, nay ly hôn anh thống nhất giá trị chiếc xe máy là 4.000.000đ, anh không hưởng mà để chị T hưởng.

+Đối với chiếc ti vi hiện tại anh đang sử dụng, nay ly hôn anh và chị T thống nhất chiếc ti vi không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu chia

+**Về đất thổ cư**: Toàn bộ diện tích đất thổ cư mang tên anh có nguồn gốc của bố mẹ anh tặng cho riêng anh, hiện tại anh đã chuyển nhượng hết toàn bộ diện tích đất bố mẹ anh tặng cho qua nhiều chủ sử dụng, hiện tại không còn nên không có để chia, anh tự nguyện hỗ trợ cho chị T số tiền 250.000.000đ để chị T tạo lập chỗ ở mới.

-Đối với đất nông nghiệp: Năm 2010 anh và anh trai là ông XN, sinh năm 1953; địa chỉ; Thành phố Yên Bái mua thửa đất có diện tích 360m^{2}tại thửa đất khu Cầu Đổ, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, mua 280.000.000đ anh và ông XN mỗi người ½ , vì ông XN không có hộ khẩu ở Hà Nội nên mình anh đứng tên, vì là anh em ruột nên không có văn bản gì, theo anh hiện tại vợ chồng chỉ có 180m^2 đất nông nghiệp, lý do trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có anh đứng tên, anh trai là ông XN không đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì hộ khẩu nơi khác nên theo luật không được đứng tên, khi

mua chung đất nông nghiệp ông XN về nhà đưa tiền cho anh, chị T cũng biết, khi mua xong anh cũng nói cho chị T biết việc thửa đất này là mua chung cùng với ông XN.

Nay ly hôn anh đề nghị 180m^2 trả cho ông XN, còn 180m^2 anh xin hưởng và có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 75.000.000đ, anh cũng thanh toán xong cho chị T, anh không đề nghị tách thửa mà vẫn sử dụng như hiện nay. Đề nghị HĐXX công nhận 180m^2 đất nông nghiệp là của ông.

-Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không được nợ của ai, nay ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

-Đối với số tiền 125.000.000đ anh có chuyển cho chị Quyên rất nhiều lần, lý do anh chuyển là vì anh cần tiền mặt để chi tiêu nhưng không rút được vì thẻ bị hỏng nên anh có chuyển nhờ vào tài khoản của chị Quyên, sau khi chuyển tiền vào tài khoản của chị Quyên thì chị Quyên lại trả cho anh bằng tiền mặt, số tiền này anh đã sử dụng hết, không có việc anh cho hay cho chị Quyên vay, nay chị T rút yêu cầu này anh cũng đồng ý.

Tại phiên tòa chị T đồng ý việc anh hỗ trợ số tiền 250.000.000đ và rút toàn bộ yêu cầu phản tố anh hoàn toàn nhất trí, chị T cũng đã nhận được tiền và không có ý kiến gì.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị T trình bày:***

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn năm 1994, ĐKKH tại UBND xã V, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, tại thời điểm kết hôn năm 1994 chị mới 16 tuổi nhưng UBND xã V vẫn đăng ký kết hôn cho chị, sau khi nhận được giấy đăng ký kết hôn chị cũng không xem. Cuối năm 2012 đầu năm 2013 vợ chồng mới phát hiện giấy đăng ký kết hôn bị sai ngày tháng sinh còn năm vẫn đúng, sau khi phát hiện bị sai nên ngày 03/8/2013 vợ chồng chị làm thủ tục đăng ký kết hôn lại, vợ chồng sống hạnh phúc hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh Đ có bồ bịch từ năm 2014, cuối năm 2014 chị và cháu lớn vào Sài Gòn, sau đó anh Đ vào thì vợ chồng Đ2 tụ, anh Đ lại bồ bịch ở Sài Gòn, năm 2015 cả gia đình chuyển về bắc vợ chồng sinh thêm 1 cháu, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, năm 2016 anh Đ làm nghề dạy lái xe đến năm 2018 anh Đ lại tiếp tục bồ bịch vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng sống cùng nhà nhưng không ngủ cùng nhau từ năm 2021 đến nay, nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không còn anh Đ xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí, hiện tại chị không mang thai.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 3 con chung gồm: Đ1, sinh ngày 19/01/1996, Đ2, sinh ngày 05/5/2003; HN, sinh ngày 22/01/2016, hiện nay anh Đ1 đã xây dựng gia đình và ở riêng, còn cháu Đ2 ở

với anh Đ, cháu HN ở với chị. 02 cháu lớn đã đến tuổi trưởng thành nay ly hôn không phải giải quyết còn cháu HN chị xin nuôi cháu và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nguyện vọng của anh Đ chuyển tiền cấp dưỡng vào tiền đóng học cho cháu chị cũng nhất trí (ít hơn chị cũng không đòi thêm, nhiều hơn chị không phải trả lại cho anh Đ)

-Về tài sản: Vào năm 2019 vợ chồng vay tiền của nhà H Minh số tiền 1.800.000.000đ, để vay được số tiền này vợ chồng phải làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất diện tích 170,5m^2 tại xã V, sau đó vợ chồng đã trả được cho H Minh số tiền 1.500.000.000đ còn nợ 300.000.000đ, hai bên đã đến văn phòng công chứng để hủy hợp đồng chuyển nhượng.

Cuối năm 2019 vợ chồng đã chuyển nhượng 50m^2 cho người khác

Ngày 28/4/2020 vợ chồng tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất có diện tích 119,8m^2 cho vợ chồng H Minh mục đích là để vay tiền nhà anh H chị Minh số tiền 450.000.000đ để mua xe ô tô cho anh Đ1. Tổng nợ là 750.000.000đ, ngày 04/5/2020 vợ chồng chị và cháu Đ1 có viết giấy vay tiền số tiền vay mới là 450.000.000đ cũ còn lại 300.000.000đ vì hôm đó vợ chồng H Minh mới đưa tiền cho vợ chồng và cháu

Vợ chồng chị và vợ chồng cháu Đ1 đã trả được lãi cho vợ chồng H Minh từ ngày 04/6/2020 đến tháng 4/2022, sau đó không trả lãi nữa vì lý do anh Đ đã trả hết tiền cho vợ chồng H Minh.

Lý do chị đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 28/4/2020 vì chị không biết anh Đ đã trả hết tiền, đến khi chị đến nhà anh H chị Minh thì anh H chị Minh nói là đã trả hết tiền, ngày 09/4/2022 chị mới biết thửa đất số 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2 tại Thôn K, xã V sang tên cho anh H chị Minh, từ vợ chồng H Minh sang tên cho bà L ngày nào chị không biết.

Nay chị có đơn phản tố đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/4/2020 đối với thửa đất số 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2, giữa vợ chồng chị với vợ chồng H Minh, và giữa vợ chồng H Minh với bà L lý do:

Số tiền vợ chồng chị và vợ chồng anh Đ1 vay đã trả hết cho vợ chồng H Minh, nhưng vợ chồng H Minh không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị.

Tại phiên tòa anh Đ đồng ý hỗ trợ cho chị số tiền 250.000.000đ với điều kiện chị phải rút đơn yêu cầu phản tố, chị đã nhận được tiền và đề nghị HĐXX cho chị được rút đơn yêu cầu phản tố về việc đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng chị với

anh H chị Minh, và hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa anh H chị Minh với bà L. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2 tại xã V, huyện Hoài Đức cấp cho anh H chị Minh, sau đó anh H chị Minh sang tên cho bà L.

-**Đất nông nghiệp**: Chị đồng ý để anh Đ hưởng toàn bộ diện tích là 180m^2 anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền 75.000.000đ chị đã nhận được tiền do anh Đ thanh toán nên chị không yêu cầu gì, phần diện tích 180m^2 của ông XN anh trai anh Đ

-Các tài sản khác:

+Đối với chiếc ô tô Vios BKS 30E -58733 đăng ký mang tên Đ, nay anh chị thống nhất giá trị chiếc xe là 280.000.000đ trừ đi trả cho ngân hàng 60.000.000đ, còn lại 220.000.000đ, anh Đ thanh toán cho chị 110.000.000đ chị hoàn toàn nhất trí, hiện tại chị đã nhận được tiền từ anh Đ nên chiếc xe ô tô là của anh Đ, tiền nợ ngân hàng anh Đ đã trả nợ xong.

+Đối với chiếc xe máy WAE- BKS 30-Y9-1383 đăng ký năm 2009 mang tên Đ, anh chị thống nhất giá trị chiếc xe là 4.000.000đ anh Đ tặng, chị xin nhận.

+Đối với chiếc ti vi hết hạn sử dụng chị không đề nghị chia.

Năm 2018 và năm 2019 anh Đ chuyển tiền cho chị Trịnh Thị Quyên ở Văn Quán Hà Đông số tiền 125.000.000đ, số tiền này chị không yêu cầu chia chị xin rút đối với yêu cầu này.

+Đối với yêu cầu độc lập của chị L3, chị L3 đã rút yêu cầu chị hoàn toàn nhất trí, tại phiên tòa anh H chị Minh, bà L rút toàn bộ yêu cầu độc lập đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2 tại xã V, huyện Hoài Đức anh chị chuyển nhượng cho anh H chị Minh, sau đó anh H chị Minh chuyển nhượng cho bà L, tài sản này là của bà L chị không có ý kiến gì.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày**:

-Anh H trình bày: Vào năm 2019 ông Đ bà T vay anh số tiền 1.800.000.000đ, để vay được tiền vợ chồng ông Đ có đến văn phòng công chứng Tây Đô để làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 170m^2 tại xã V, cuối năm 2019 anh đồng ý cho ông Đ bà T bán 1 phần đất diện tích 50m^2, sau khi bán đất được tiền ông Đ bà T trả cho anh 1.500.000.000đ còn 300.000.000đ ông Đ bà T vẫn còn nợ, cũng năm đó hai bên đã hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày 28/4/2020 ông Đ bà T đặt vấn đề vay tiếp số tiền 450.000.000đ, tổng là 750.000.000đ, cùng ngày hai bên đến văn phòng công chứng Tây Đô để

tiếp tục làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2 tại xã V, đến ngày 04/5/2020 vợ chồng anh mới có số tiền 450.000.000đ để đưa cho ông Đ bà T, khi anh đưa tiền hai bên có viết giấy vay tiền, chỉ có gia đình ông Đ bà T ký còn anh không ký, bản gốc của giấy vay tiền này anh cầm hiện anh không lưu giữ được.

Khi vay tiền hai bên thỏa thuận miệng 6 tháng hoặc 1 năm nếu không trả thì hợp đồng ngày 28/4/2020 được hai bên ký tại văn phòng công chứng Tây Đô sẽ được sang tên cho anh thửa đất số 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2 tại xã V, đến ngày 01/ 12/2021 anh mới làm thủ tục sang tên vợ chồng anh thửa đất trên lý do gia đình ông Đ không trả cho vợ chồng anh gốc và lãi (quá thời hạn ghi trong giấy vay tiền), số tiền thừa thiếu như thế nào anh không nhớ.

Ngày 20/01/2022 anh đã chuyển nhượng thửa đất trên cho bà L với số tiền bao nhiêu anh không nhớ, bà L đã trả hết tiền cho vợ chồng anh nên vợ chồng anh đã làm thủ tục sang tên cho bà L, hiện tại thửa đất này mang tên bà L trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án anh và chị Minh đã có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2 tại xã V, huyện Hoài Đức giữa ông Đ bà T với vợ chồng anh.

Tại phiên tòa bà T đã được ông Đ hỗ trợ số tiền 250.000.000đ bà T đã nhận tiền và rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản là thửa đất nói trên, anh hoàn toàn nhất trí và anh cũng đề nghị HĐXX cho anh và chị Minh rút yêu cầu độc lập của mình.

-Bà L trình bày: Bà là em gái của ông Đ.Nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ bà để cho ông Đ diện tích rất lớn gần 1.000m^2, quá trình sử dụng ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đ, ông Đ đã nhiều lần phân lô làm nhiều thửa để bán, trước đây ông Đ đã bán gần hết số diện tích đất bố mẹ bà cho ông Đ, còn lại 120m^2 hiện tại ông Đ và con trai đang ở ông Đ cũng đã bán cho ông H bà Minh, sau đó ông H bà Minh bán cho bà, nay ông Đ không còn gì. Trước đây bố mẹ bà có thửa đất rất rộng phân chia cho các con trai mỗi người 10 thước, ông Đ cũng được bố mẹ tặng cho 10 thước, phần diện tích của bố mẹ bà 10 thước khi bố bà ốm nên bố mẹ bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ 10 thước để lấy tiền chữa bệnh, phần diện tích đất này vợ chồng ông Đ cũng đã chuyển nhượng cho người khác hiện nay không còn.Theo bà lúc đầu ông Đ bà T vay tiền của vợ chồng ông H bà Minh để vay được tiền thì ông Đ bà T phải làm thủ tục chuyển

nhượng thửa đất số 324 (IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2 sử dụng riêng và sử dụng chung là 53,2m^2 tại Thôn K, xã V, huyện Hoài Đức cho ông H bà Minh, sau đó vợ chồng ông Đ không có tiền trả cho ông H bà Minh nên ngày 28/4/2020 hai bên mới hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, ông H bà Minh đã được UBND huyện Hoài Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H bà Minh không có nhu cầu sử dụng nên muốn chuyển nhượng thửa đất trên, vì là đất tổ tiên nên khi biết bà đã liên hệ với ông H bà Minh để nhận chuyển nhượng lại thửa đất trên mục đích để lấy chỗ thờ cúng bố mẹ bà. Toàn bộ số tiền bà nhận chuyển nhượng thửa đất trên từ ông H bà Minh là tiền riêng của bà không liên quan gì đến chồng con, nên chỉ mình bà được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông H bà Minh cần tiền và muốn chuyển nhượng lại thửa đất trên cho ông Đ nhưng ông Đ không có tiền để chuộc lại, vì là đất tổ tiên của bố mẹ nên bà mới đứng ra nhận chuyển nhượng từ ông H bà Minh mục đích để sau này nếu gia đình ông Đ có tiền thì bà sẽ chuyển nhượng lại cho gia đình ông Đ, hiện tại gia đình ông Đ cũng không có tiền để chuộc lại thửa đất trên.

Quá trình giải quyết vụ án bà đã có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 324(IP)-2, tờ bản đồ số 08 diện tích 119,8m^2 tại xã V, huyện Hoài Đức giữa anh H chị Minh với bà.

Tại phiên tòa bà T đã được ông Đ hỗ trợ số tiền 250.000.000đ bà T đã nhận tiền và rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản là thửa đất nói trên, anh H chị Minh rút toàn bộ yêu cầu độc lập bà hoàn toàn nhất trí và bà cũng đề nghị HĐXX cho bà được rút yêu cầu độc lập của mình.

-*Anh Đ1 trình bày*: Ngày 27/4/2021 anh và ông Đ có đến nhà anh H chị Minh để vay số tiền là 450.000.000đ để mua ô tô, đến ngày 05/5/2021 anh chị Minh H mới gọi gia đình anh đến lấy tiền,, tiền lãi hàng tháng là 5.000.000đ và trả vào ngày mồng 5 hàng tháng, đến ngày 28/11/2021 ông Đ bố anh trả cho anh H chị Minh số tiền 200.000.000đ, còn lại 250.000.000đ nên hàng tháng anh chỉ trả lãi số tiền 3.000.000đ, tháng 12/2021 bố anh đã chuyển nhượng thửa đất trên cho bà L anh và mẹ anh không biết, số tiền còn nợ bố anh đã trả hết tiền cho anh H chị Minh từ tháng 11/2021, việc bố mẹ anh không tìm được tiếng nói chung, nhiều lần anh khuyên nhủ nhưng không được, nay anh tôn trọng ý kiến của bố mẹ.

-*Ông XN trình bày*: Ông là anh trai của ông Đ, vào ngày 22/11/2009 ông và ông Đ có mua chung 360m^2 đất nông nghiệp tại xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, số tiền mua 280.000.000đ ông đưa cho

ông Đ 140.000.000đ, vì điều kiện ông ở xa nên ông có giao quyền cho ông Đ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Đ đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất nông nghiệp này.Toàn bộ số tiền 140.000.000đ ông đưa cho ông Đ để mua 180m^2 đất nông nghiệp là tiền riêng của ông không liên quan đến vợ con ông. Nay ông Đ bà T ly hôn, bà T đề nghị chia tài sản là thửa đất nông nghiệp này,Tài sản của ông Đ chỉ có 180m^2 đất nông nghiệp còn của ông là 180m^2, nay bà T và ông Đ thống nhất ông Đ hưởng 180m^2 và thanh toán cho bà T 75.000.000đ, ông đề nghị nhập chung phần diện tích của ông là 180m^2 của ông vào phần của ông Đ để tiện canh tác.

-*Chị L3 trình bày*: Chị gọi ông Đ là bác ruột, ngày 07/12/2022 ông Đ có vay chị số tiền 60.000.000đ để trả nợ ngân hàng VIB để giải chấp chiếc xe ô tô, nay ông Đ bà T ly hôn, chị đề nghị ông bà phải trả cho chị, hiện tại chị đã nhận được tiền từ ông Đ, chị xin được rút yêu cầu độc lập của mình.

-*Văn phòng công chứng Tây Đô công chứng viên bà Thu có quan điểm trình bày*:

Ngày 28/4/2020, ông Đ, bà T với ông H có đến văn phòng công chứng Tây Đô yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 324 (IP)-2 tại xóm 9, Thôn K, xã V, Hoài Đức, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đ và bà T, theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng, bà Thu là công chứng viên văn phòng công chứng Tây Đô đã chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2051/2020/HĐ-CN ngày 28/4/2020 trước khi chứng nhận đã thực hiện đầy đủ theo qui định của pháp luật.

Về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng:

Tài sản trên là của ông Đ bà T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Bên chuyển nhượng ông Đ bà T.

Bên nhận chuyển nhượng ông H bà Minh.

Trình tự, thủ tục ký kết hợp đồng:

Phiếu yêu cầu công chứng của ông H.

Kiểm tra bản chính các giấy tờ gồm căn cước công dân,sổ hộ khẩu, đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi kiểm tra đối chiếu bản chính các giấy tờ do người yêu cầu công chứng cung cấp, hai bên tự đọc nội dung, công chứng viên giải thích quyền và nghĩa vụ, hậu quả của việc giao kết hợp đồng.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng ông Đ, bà T, ông H bà Minh có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng là tự nguyện không bị ép buộc lừa dối, nay bà T đề nghị tuyên vô hiệu hợp đồng công chứng nêu trên về mặt thủ tục công chứng là không có căn cứ.

-UBND huyện Hoài Đức, đại diện theo ủy quyền bà N – Trưởng phòng Tài Nguyên Môi Trường huyện Hoài Đức không có quan điểm trình bày.

+Anh Đ2 trình bày: Anh là con trai của ông Đ bà T, từ khi anh nhận thức được anh thấy bố mẹ anh sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nay bố mẹ anh ly hôn anh không có ý kiến gì.

Đối với giấy vay tiền ngày 04/5/2020 anh có ký lý do để vay tiền mua xe ô tô cho anh Đ1 chị Linh, anh không được sử dụng số tiền này, số tiền này do bố mẹ anh và anh Đ1 chị Linh sử dụng, anh không ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì lúc đó anh còn nhỏ.

+Chị Linh trình bày: Chị là con dâu của ông Đ bà T, chị kết hôn với anh Đ1 năm 2019, sau khi kết hôn chị về chung cùng với bố mẹ chồng, cuối năm 2020 vợ chồng chị ra ở riêng chỗ khác, khi vợ chồng chị ở đó thì bố mẹ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chị có khuyên nhưng không được, nay bố mẹ ly hôn chị không có ý kiến gì.

Giấy vay tiền ngày 04/5/2020 chị có ký, mục đích ký là để vay số tiền 450.000.000đ để mua xe ô tô cho anh Đ1, ngay tối hôm đó thì nhận được tiền từ vợ chồng anh H chị Minh, vợ chồng chị phải trả lãi 5.000.000đ/tháng, vợ chồng chị trả được hơn 1 năm sau đó vợ chồng chỉ phải trả số tiền lãi 3.000.000đ/tháng từ tháng 01/2022 lý do bố mẹ chồng đã trả hộ số tiền 200.000.000đ, vợ chồng chỉ còn nợ anh H chị Minh 250.000.000đ, từ lúc bố chị gửi đơn ly hôn vợ chồng chị không trả tiền lãi nữa, khi vay tiền anh H chị Minh có yêu cầu ký 1 văn bản giấy tờ để làm tin, hiện tại chị nghe nói bố chồng chị đã trả hết tiền cho anh H chị Minh và rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, nên vợ chồng chị không còn nợ tiền anh H chị Minh nữa.

Chữ viết trong giấy vay tiền là của bố chồng chị, nội dung do anh H đọc, bản gốc bố chồng chị giữ, bản phô tô là do bố chị bảo chụp lại gửi lại cho bố nên mẹ chồng chị mới có bản phô tô, chị là con dâu nên chị không ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa bố mẹ chồng chị thống nhất ly hôn, phân chia tài sản chị hoàn toàn nhất trí không có ý kiến gì.

-Quá trình tố tụng văn phòng công chứng Bình Minh trình bày;Trình tự công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng

4833.2021/HĐCN, quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà M và ông H (bên chuyển nhượng) và bà L (bên nhận chuyển nhượng) do công chứng viên Nguyễn Văn Sớm chứng nhận ngày 27/02/2021. Công chứng viên Nguyễn Văn Sớm khẳng định: Tại thời điểm công chứng các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Việc lập văn bản được hai bên tự nguyện, không có sự ép buộc hoặc lừa dối. Các bên đã đọc lại nội dung văn bản, ghi rõ "Tôi đã đọc và đồng ý" rồi ký và điểm chỉ vào văn bản để làm bằng chứng thực hiện.

+*Người làm chứng ông SH trình bày*: Ông và ông Đ quen biết nhau từ ngày còn là thanh niên, ông có người bạn ở xã Song Phương muốn bán đất nông nghiệp, khi ông Đ gặp ông cũng muốn mua đất nông nghiệp nên ông giới thiệu đến, khi đến mua đất nông nghiệp ông thấy đi cùng ông Đ còn 1 người đàn ông nữa và nói cũng muốn mua đất nông nghiệp, bạn ông đồng ý bán cho anh em ông Đ với giá 1 sào là 280.000.000đ, ông Đ ½ là 140.000.000đ khi giao tiền ông có chứng kiến việc ông Đ và anh trai ông Đ giao số tiền 280.000.000đ cho ông Vạn, hai bên có nhờ ông làm chứng nên ông có ký vào giấy biên nhận ngày 22/11/2009, người đi mua đất cùng ông Đ không phải là người địa phượng mà là người ở nơi khác có anh em họ hàng với ông Đ, nay ông Đ xin ly hôn bà T và chia tài sản theo ông ông Đ và bà T chỉ có ½ thửa đất nông nghiệp này là 180m^2

UBND xã V, huyện Hoài Đức cho biết: Ngày 10/11/1994 ông Đ và bà T đến UBND xã V, huyện Hoài Đức đăng ký kết hôn, tại sổ đăng ký kết hôn năm 1994, số đăng ký 14 trong sổ thể hiện ông Đ sinh năm 1974, bà T, sinh năm 1975.

Tại giấy khai đăng ký kết hôn ngày 10/11/1994 ông Đ, sinh ngày 14/4/1974, bà T, sinh ngày 05/5/1977.

Tại giấy chứng nhận kết hôn năm 2013 và căn cước công dân thì ông Đ, sinh ngày 05/4/1974, bà T, sinh ngày 19/01/1978 so với giấy khai đăng ký kết hôn ngày 10/11/1994 thì ông Đ, sinh ngày 14/4/1974 và ông Đ sinh ngày 05/4/1974 là của 1 người.

Bà T, sinh ngày 05/5/1977, trong giấy khai đăng ký kết hôn ngày 10/11/1994 bà T sinh ngày 19/01/1978 trong giấy chứng nhận kết hôn là 1 người.

Tại thời điểm ông Đ bà T đăng ký kết hôn ngày 10/11/1994 mặc dù lúc này bà T chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn nhưng bà T đã tự khai nâng tuổi, cán bộ xã căn cứ giấy khai đăng ký kết hôn của ông Đ bà T và tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông Đ bà T.

Quá trình chung sống ông Đ bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay ông Đ xin ly hôn bà T, quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ông Đ và bà T sinh được 3 người con gồm: Đ1, sinh năm 1996, Đ2, sinh năm 2003, Trần Xuân Hoàng HN, sinh ngày 22/10/2016, hiện tại cháu Đ1, cháu Đ2 đã đến tuổi trưởng thành, cháu HN hiện tại đang ở với chị T, UBND xã không nhận được bất cứ văn bản nào về việc chị T chăm sóc cháu không tốt, không cho cháu đi học hoặc ngược đãi cháu, nay anh Đ xin ly hôn chị T xin được nuôi cháu HN quan điểm của UBND xã V đề nghị Tòa án giải quyết theo qui đinh pháp luật.

***Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đ với bà T.

Về con chung: Xác định anh Đ và chị T có 3 con chung là Đ1, sinh năm 1996, Đ2, sinh năm 2003, Trần Xuân Hoàng HN, sinh ngày 22/10/2016, hiện tại cháu Đ1, cháu Đ2 đã đến tuổi trưởng thành.

Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Xuân Hoàng HN, sinh ngày 22/10/2016: Ghi nhận của anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T 2.000.000đ/tháng, tính từ tháng 09/2023 đến khi cháu HN đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

Về tài sản: Hai bên không yêu cầu giải quyết

Ghi nhận anh Đ hỗ trợ số tiền 250.000.000đ cho chị T, chị T xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố, đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu phản tố của chị T.

Tại phiên tòa Bà Đỗ Thị L rút toàn bộ yêu cầu độc lập, ông H bà Minh rút toàn bộ yêu cầu độc lập đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu độc lập của bà L, ông H bà Minh.

Trước khi mở phiên tòa chị L3 đã có đơn xin rút yêu cấu độc lập, đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu độc lập của chị L3.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung"*. Chị T hiện sinh sống tại Thôn K, xã V, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Hoài Đức, anh Đ2, anh Đ1, chị L3, ông XN, văng phòng công chứng Bình Minh, văn phòng công chứng Tây Đô được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh Đ và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội ngày 03/8/2013 (chung sống như vợ chồng từ năm 1994, đã đăng ký kết hôn nhưng do nhầm lẫn nên 2013 anh Đ chị T đăng ký kết hôn lại), vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ly thân đã lâu, nay anh Đ xin ly hôn, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn anh Đ. HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ với chị T là phù hợp qui định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Anh Đ và chị T có 03 (ba) con chung là cháu Đ1, sinh năm 1996, Đ2, sinh năm 2003, cháu Trần Xuân Hoàng HN, sinh ngày 22/10/2016, nay ly hôn, cháu Đ2, cháu Đ1 đã đến tuổi trưởng thành, còn cháu HN hiện tại cháu đang với chị T, nguyện vọng của cháu xin được ở với chị T, mặt khác anh Đ và chị T cùng thống nhất giao cháu Trần Xuân Hoàng HN, sinh ngày 22/10/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu, anh Đ cấp dưỡng cho chị T 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu HN đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác, sự tự nguyện của anh Đ chị T HĐXX ghi nhận

[2.3]. Về tài sản chung; Tại phiên tòa anh Đ đồng ý hỗ trợ cho chị T số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) chị T đã nhận đủ tiền và rút toàn bộ yêu cầu phản tố, việc rút đơn phản tố của chị T là hoàn toàn tự nguyện, HĐXX đình chỉ yêu cầu phản tố của chị T là phù hợp qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh H chị Minh và bà L rút toàn bộ yêu cầu độc lập của mình, việc rút đơn của anh H, chị Minh và bà L là hoàn toàn tự nguyện. HĐXX đình chỉ yêu cầu độc lập của anh H, chị Minh và bà L là phù hợp qui định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án chị L3 có đơn yêu cầu độc lập, sau đó chị L3 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập của mình, việc rút đơn của chị L3 là hoàn toàn tự nguyện. HĐXX đình chỉ yêu cầu độc lập của chị L3 là phù hợp qui định của pháp luật.

Đối với chiếc xe ô tô VioS BKS 30E – 58733 đăng ký năm 2016 mang tên Đ, quá trình giải quyết vụ án anh chị đã thỏa thuận anh Đ hưởng xe ô tô và thanh toán cho chị T số tiền 110.000.000đ, chị T đã nhận tiền và không có ý kiến gì, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với chiếc xe máy WAE- BKS 30-Y9-1383 đăng ký năm 2009 mang tên Đ, quá trình giải quyết vụ án anh Đ tặng cho chị T chiếc xe này, không yêu cầu chia, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp qui định của pháp luật nên được ghi nhận.

[2.4]. Về đất nông nghiệp; Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị T thống nhất vợ chồng có180m^2 đất nông nghiệp tại thửa đất số 19/4, tờ bản đồ số 02 tại khu Cầu Đồ, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, giao cho anh Đ quản lý sử dụng, anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị T 75.000.000đ, chị T đã nhận đủ tiền và không có ý kiến gì, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, HĐXX ghi nhận.

Phần diện tích đất nông nghiệp còn lại là 180m^2 đất tại thửa đất số 19/4, tờ bản đồ số 02 tại khu Cầu Đồ, xã Song Phương, huyện Hoài Đức. thành phố Hà Nội, anh Đ và chị T thống nhất phần diện tích đất nông nghiệp này là của ông XN mua chung nhưng ông XN không có đơn yêu cầu độc lập nên HĐXX tạm giao cho anh Đ quản lý 180m^2 đất nông nghiệp,đất tại thửa đất số 19/4, tờ bản đồ số 02 tại khu Cầu Đồ, xã Song Phương, huyện Hoài Đức. thành phố Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đ, sau này có tranh chấp giữa ông XN với anh Đ sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3].Về án phí:Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, khoản 2, Điều 217, khoản 2 điều 244 khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 điều 16 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ với chị T

2.**Về con chung**: Giao cháu Trần Xuân Hoàng HN, sinh ngày 22/10/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu HN đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác,

Anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị T 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng tính từ tháng 9/2023 đến khi cháu HN đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác

3. **Về tài sản chung**: Công nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị T

+ Anh Đ hỗ trợ cho chị T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), hai bên đã giao nhận cho nhau xong số tiền trên.

+Anh Đ được hưởng 01 ô tô VioS BKS 30E – 58733 đăng ký năm 2016 mang tên Đ, anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 110.000.000đ (một trăm nười triệu đồng). Hai bên đã giao nhận cho nhau xong số tiền trên.

+ Chị T được hưởng 01 chiếc xe máy WAE- BKS 30-Y9-1383 đăng ký năm 2009 mang tên Đ.

4. Về đất nông nghiệp; Công nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị T;

- Anh Trần Xuân Đ được sử dụng 180m^2 đất nông nghiệp tại thửa đất số 19/4, tờ bản đồ số 02 tại khu Cầu Đồ, xã Song Phương, huyện Hoài Đức, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đ. Anh Đ có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 75.000.000đ (bảy năm triệu đồng). Hai bên đã giao nhận cho nhau xong số tiền trên.

-Tạm giao cho anh Đ quản lý sử dụng 180m^2 đất nông nghiệp của ông TN tại thửa đất số 19/4, tờ bản đồ số 02 tại khu Cầu Đồ, xã Song Phương, huyện Hoài Đức. thành phố Hà Nội,giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đ.

5. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của chị T.

6. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của chị L3, bà L, anh H, chị M.

7. Về án phí:

-Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung,

được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) là tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là theo biên lai thu số 0016075 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. anh Đ còn phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

-Chị T phải chịu 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản, được trừ vào số số tiền chị T đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0016141 ngày 28/10/2022 tại chi cục THA dân sự huyện Hoài Đức, chị T còn phải nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

-Hoàn trả chị Trần Thị L3 1.500.000đ(một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016230 ngày 23/12/2022 tại chi cục THA dân sự huyện Hoài Đức.

-Hoàn trả bà L số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016229 ngày 23/12/2022 tại chi cục THA dân sự huyện Hoài Đức.

-Hoàn trả anh H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016228 ngày 23/12/2022 tại chi cục THA dân sự huyện Hoài Đức.

-Hoàn trả chị M số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016231 ngày 23/12/2022 tại chi cục THA dân sự huyện Hoài Đức.

8. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hồng Giang

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã V, huyện Hoài Đức, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Quỳnh